

«THẾ GIỚI THỨ BA»: QUAN NIỆM VỀ «BÀN TAY VÔ HÌNH» CỦA THỊ TRƯỜNG

CLIVE CROOK (ECONOMIST- LUÂN ĐÓN)



NHỮNG BẠN “ĐỒNG MÔN” TÀI SỨC CHÈNH NHAU

Vào thập kỷ 50, các nước đang phát triển vốn giống nhau hơn so với hiện nay. Ta hãy lấy, chẳng hạn Nam Triều Tiên và Ấn Độ làm dẫn chứng. Về mọi phương diện, cả hai nước này thời ấy đều bị liệt vào số các nước hết sức nghèo khổ, tuy Ấn Độ có nghèo hơn NTT. Năm 1950, thu nhập bình quân đầu người của Ấn chỉ xấp xỉ 150\$USD (thời giá 1980), còn của NTT gần 350\$USD. Nền công nghiệp của cả hai đều lạc hậu tới mức khó hình dung nổi, họ làm thế nào để đảm bảo cho dân mình một mức sống khả dĩ chấp nhận được, chứ chưa nói tới chuyện đuổi kịp các nước đã bỏ xa họ. Hồi đó, các giới chức Mỹ còn phải bàn cãi vấn đề: NTT liệu có nâng nổi mức sống trong nước lên chút đỉnh không hay sẽ lâm ngay vào

khủng hoảng kinh tế, nếu Mỹ ngưng “viện trợ”, mà mục tiêu độc nhất chỉ là cứu NTT khỏi tình cảnh thảm đó.

Ấy thế nhưng chỉ 40 năm sau- một thời hạn thật ngắn ngủi trong lịch sử kinh tế- NTT đã có những bước tiến phi thường, mà cả thế giới đều coi như là một chuyện hết sức hiển nhiên. Thu nhập bình quân đầu người (vẫn theo thời giá 1980) tăng vọt lên tới 2900\$USD/năm. Tuổi thọ người dân cũng tăng theo đạt tới mức 69 tuổi. Tỷ lệ cư dân làm nông nghiệp từ 77% giảm xuống còn 25%. Cơ cấu kinh tế đã khác với một nhịp độ mau lẹ và sâu xa tới mức không một nước giàu nào, ngoại trừ Nhật Bản, dám ao ước. Những nước này, tất cả đều giàu thêm, nhưng với nhịp độ tăng trưởng kinh tế chậm hơn nhiều, thậm chí còn thua xa cả Ấn Độ.

Dầu sao thì các quốc gia "vô địch" về tiến bộ kinh tế đó ở Đông Á (NTT và 3 "con rồng" kia : Singapur, Đài Loan, Hồng Kông) vẫn không phải là những nước duy nhất đã thực sự phát triển trong thời gian trên. Trong những thập kỷ gần đây, nhiều nước khác nữa cũng đã có những bước tiến chưa từng thấy trong lịch sử. Nếu coi những quốc gia đó là một nhóm riêng, thì con số hiện thời là 134, chiếm tới 3/4 dân số toàn cầu, thực sự đang đuổi kịp các nước phương Bắc giàu có.

NHỮNG THÀNH QUẢ THỤ ĐỘNG VÀ ĐÁNG GÁN

Quan điểm bi quan về khả năng phát triển kinh tế trong những năm hậu chiến vốn hình thành trên nền tảng một số quan niệm có căn bản khá vững vàng. Giữ vai trò quan trọng nhất có lẽ là quan niệm cho rằng thương nghiệp không thể trở thành "động lực phát triển" tại các nước đang mở mang, như nó đã từng "phụng sự" các nước NIC hồi thế kỷ XIX, khi họ phát triển hệ thống kinh tế trong nước.

Các nhà kinh tế hồi đó có chứng minh thêm rằng nhu cầu xuất khẩu các mặt hàng truyền thống, trước hết là nguyên liệu, sẽ ngày càng giảm thiểu. Xu thế đó, theo họ, sẽ càng mạnh thêm bởi các quốc gia phương Bắc sẽ phát triển mạnh công nghiệp sản xuất nguyên liệu thay thế như cao su nhân tạo chẳng hạn. Ngoài ra, họ còn cho rằng giá các mặt hàng mà các nước đang mở mang cần xuất khẩu sẽ ngày càng giảm, so với giá các loại sản phẩm mà những nước đang xét nhập về. Đó là những bằng chứng đầy sức thuyết phục cho thấy không thể coi xuất khẩu là chỗ dựa vững chãi để củng cố nền kinh tế bên trong. Trong đó thì một nguy cơ đã xuất hiện ngày càng rõ nét hơn là các nước đang mở mang rồi đây sẽ còn lâm vào một tình cảnh bi đát hơn: thiếu ngoại tệ triển tiến.

Vì thế quan điểm bi quan nhận định rằng: các nước nghèo tất phải sa vào một chiếc bẫy khổng lồ hoàn toàn không có lối thoát. Muốn gia tăng nền sản xuất trong nước, họ phải nhập khẩu các thiết bị và nhiều sản phẩm trung gian khác. Nhưng những nhu cầu bức thiết đó chẳng mấy chốc rồi sẽ phải đối đầu với tình trạng thiếu ngoại tệ khó lòng lẫn tránh, vốn cần để nhập khẩu các mặt hàng công nghiệp và thực phẩm thiết dụng đối với dân mình.

Từ những lập luận trên, các nhà kinh tế bi quan lập tức đưa ra những khuyến cáo về đường lối chính trị cụ thể cho các quốc gia "Thế giới thứ ba". Nước hết, đừng nên đi vay các ngoại tệ mạnh để nhập các mặt hàng loại nhu yếu phẩm. Ngoại tệ, do vậy, được chỉ dùng một cách thật khôn khéo, và đó là một do hệ trọng, buộc các nước nghèo phải ban hành ngay một chế độ thuế nhập khẩu và chế độ mua bán có licence. Có nước đã ngờ nghệch cho thực thi ngay chế cấm nhập khẩu hết thấy những gì có thể sản xuất

được trong nước. Lại có nước đã nâng ngay giá các mặt hàng nhập khẩu tới mức khiến những người giàu trong nước cũng chẳng dám bỏ tiền ra mua. Họ hy vọng là với chính sách đó, các khoản đầu tư tức thì sẽ được dồn hết vào những lĩnh vực công nghiệp nội địa có thể sản xuất các mặt hàng thiết dụng v.v...

Nhưng rốt cuộc, họ chỉ thu được một thảm họa đích thực. Tất cả những nước cho thực thi chính sách trên tức thì lâm ngay vào cảnh thiếu ngoại tệ liên miên. Hệ thống hạn chế nhập khẩu những thứ không cần thiết do họ ban hành chỉ càng khiến cho tình hình xuất khẩu bị kìm hãm gặt gao thêm (Nguyên do, chúng tôi sẽ đề cập tỉ mỉ dưới đây). Tuy nhiên, thật lạ đời, đó vẫn chưa phải là vấn đề rắc rối nhất. Việc hình thành một bộ máy để ấn định những gì đất nước đang cần, lĩnh vực nào cần khuyến khích, biểu thuế suất nhập khẩu và quota nào thỏa đáng- đã buộc chính phủ phải can thiệp sâu vào hoạt động của toàn bộ nền kinh tế nói chung và mọi tiểu tiết nhỏ nhặt nhất của nó, nói riêng.

Tình hình trên tất dẫn đến việc bộ máy chính phủ phải phình to thêm. Mà bộ máy đó càng lớn, thì các quan niệm chiến lược do chính phủ đề xướng sẽ càng tăng thêm tính chất toàn cục hoàn toàn chẳng chút cần thiết.

Một vòng lần quần thông thường tức thì nảy sinh: cứ phải liên tục can thiệp vào việc giải quyết những khó khăn mới nảy nở trong quá trình kinh tế, vốn chỉ là hậu quả của những hành động can thiệp trước đó. Tại một số nước, nhất là ở Phi Châu, nhiều chính phủ đã nhanh chóng biến thành những quái nhân (monstres), nắm trọn trong tay mọi quyền sinh sát, khủng khiếp tới mức để tránh khỏi bị ăn tươi nuốt sống, khu vực kinh tế tư nhân chỉ còn cách làm ăn lén lút, nếu không nói là phải ngừng hoạt động hoàn toàn. Tuy vậy, tại nhiều nước, nền kinh tế vẫn phát triển chút đỉnh, bất chấp những sai lầm của các chính phủ trị vì ở đây. Đó là một chứng cứ đầy sức thuyết phục về tính uyển chuyển và giàu sáng kiến của khu vực kinh tế tư nhân. Nhân đây, chúng tôi xin dẫn một giai thoại (đang bị những mấy nước liên tranh nhau tác quyền): "Kinh tế chỉ phát triển về đêm, khi chính phủ đi ngủ".

NỀM ĐƯỜNG CHÓI SÁNG

Không có bao nhiêu chính phủ đã dám cả gan cho phép kinh tế phát triển cả dưới ánh sáng ban ngày. "Tứ long" châu Á, và gần đây có thêm một số nước nữa (như Chilê, Columbia, Malaysia, Costa-Rica, Bờ Biển Ngà và Thái Lan) đã phát triển với nhịp độ nhanh chính là nhờ họ đã chối bỏ quan điểm thay hàng nhập khẩu bằng hàng nội địa nói trên.

Trong 2 thập kỷ 60 và 70, "tứ long" châu Á đã lướt nhanh trên đại dương còn sóng của thương mại quốc tế, và xuất khẩu, như cổ tình trên người, đã "bùng nổ" đúng vào thời điểm phải bi quan vẫn một

mục lý giải cho các nước nghèo rằng họ sẽ chẳng làm nên trò trống gì trên thương trường nước ngoài như họ hằng mong mỏi đâu, và họ phải đóng chặt cửa, nếu muốn nuôi sống nền kinh tế trong nước. Thành công của "tứ long" còn khiến phái bị quan hết sức sửng sốt ở một khía cạnh khác nữa: sản phẩm xuất khẩu của "tứ long" chỉ là những mặt hàng thông thường, chi phí lao động chẳng tốn kém bao nhiêu. Đó là điều phái bị quan không hề ngờ tới, bởi lẽ họ quen lấy việc xuất khẩu nguyên liệu làm chỗ dựa cho những dự đoán bị quan của mình.

Thành công của "tứ long" trong vai trò những nước xuất khẩu đã giúp họ có thêm ngoại tệ để mua sắm các thiết bị nước ngoài - một thứ bùa chú nhiệm mầu, để đẩy nhanh việc phát triển kinh tế với nhịp độ thần tốc trên đây. Tuy nhiên, nhân tố còn quan trọng hơn nhiều so với khối lượng đầu tư - cũng là mối quan tâm cạnh cánh của phái bị quan - là chất lượng sản phẩm họ xuất khẩu. Khác với một loạt các nước đang phát triển, "tứ long" có trong tay một hệ thống giá cả tự thân vốn đầy ưu thế, bởi lẽ nó không bị những cấm đoán về thương mại và những hậu quả cực kỳ tai hại của chúng làm cho méo mó đi. Bởi thế, các khoản đầu tư cơ bản tức thì đều chảy thẳng vào những lĩnh vực đang cần, và do đó cũng là nhân tố phản ánh rõ ưu thế vốn có của "tứ long": một đạo quân lao động đông đảo rẻ mạt và non kém về tay nghề. Kết quả, "tứ long" đã hạ thấp hẳn uy tín của thiên huyền thoại về sự phát triển vô kế hoạch: phúc lợi do sự phát triển kinh tế mang lại đã được phân phối đều khắp cho mọi tầng lớp cư dân! Tóm lại, bốn ngọn "hải đăng" của chủ nghĩa tư bản đó gần như là một thứ mẫu mực hoàn hảo nhất về bình đẳng xã hội trong "thế giới thứ ba" nghèo đói kinh niên.

Hướng ra thị trường nước ngoài, điều đó tuyệt nhiên không có nghĩa là hoàn toàn buông lỏng, chẳng hạn chế gì hoạt động kinh doanh tự do. Khảo cứu này vốn coi việc chính phủ nhất thiết phải đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế làm điểm xuất phát. Song nghịch lý là ở chỗ: càng can thiệp vào nhiều lĩnh vực bao nhiêu, chính phủ sẽ càng ít chú tâm vào các quá trình kinh tế bấy nhiêu. Sẽ tốt đẹp hơn nhiều, nếu ngoài những phận sự vốn ít ỏi không thể giao phó cho ai, chính phủ nên dựa thêm vào hệ thống kinh doanh tự do, coi đó như một thứ luật lệ của đời sống kinh tế.

Nếu Adam Smith được phóng tầm mắt để nhìn bao quát toàn cầu vào cuối thập niên 80, thì những điều ông nhìn thấy được ở châu Phi chắc chắn sẽ khiến ông, một mặt, phát hoảng lên, nhưng mặt khác lại chứng tỏ ông hoàn toàn đúng. Tại châu lục đó, nhiều nước suốt mấy thập niên liền không những bị lâm vào cảnh giẫm chân tại chỗ, mà còn phát triển với nhịp độ âm. Vào năm 1957, Ghana là nước giàu có nhất Phi Châu da đen (phía Nam Sahara), với một

cư dân có trình độ học vấn cao nhất châu lục. Quốc gia này là nước xuất khẩu cacao chủ chốt trên thế giới; họ khai thác được một lượng vàng tới 10% trữ kim toàn cầu; ấy là chưa kể họ còn khai thác cả kim cương, bauxit, mangan, và xuất khẩu gỗ cù tùng với giá rất có lợi. Thu nhập bình quân đầu người hằng năm là 490\$USD - chỉ kém Nam Triều Tiên có 1\$USD (theo thời giá 1980).

Vậy mà tới đầu thập kỷ 80, mức thu nhập của NTT đã cao hơn Ghana tới 5 lần. Con số này có lẽ còn chưa đáng kinh ngạc bằng sự thế: mức thu nhập đầu người ở Ghana lúc này đã giảm đi 20% - chỉ còn 400\$USD. Trong vòng 12 năm - từ 1970 đến hết 1982 thu nhập thực tế của người dân giảm đi hơn 30% còn mức lương thì chỉ còn 80% so với thời gian trước. Là một quốc gia vốn có tiềm năng thịnh vượng, nhưng trong vòng 20 năm, nền kinh tế của họ đã lụn bại hẳn vì quản lý quá tồi. Lịch sử Ghana đầy những trở trệ cay đắng. Trở thành vị nguyên thủ đầu tiên sau ngai được trao quyền độc lập, Quame Nkrumah (1909 - 1972) nổi như một nhân vật đại diện cho châu Phi mới, châu Phi tự do. Ông khẳng định phải xác lập một cách thức quản lý mới, phù hợp với các điều kiện đặc thù của châu lục. Ông đã bỏ ra nhiều khoản tiền lớn để thực thi một loạt dự án gây ấn tượng mạnh nhưng vô bổ hoàn toàn (Trong số đó có tòa trụ sở lộng lẫy của Tổ chức thống nhất châu Phi, mà về sau Tổ chức này đã quyết định dời tổng hành dinh sang Ethiopia).

Nền kinh tế càng lâm vào tình cảnh hỗn loạn Nkrumah càng đẩy đất nước dần sâu thêm vào tình trạng cùng khổ. Tiếp theo sau việc quốc hữu hoá rộng khắp là cả một chuỗi dài những cuộc đàn áp khốn khổ nhường tay. Nguồn tư bản, do đó, tức thì tuột chảy cả ra nước ngoài, và tình hình đó cũng đã diễn ra cả đối với những tầng lớp cư dân có trình độ chuyên môn cao và dư dả về tiền của. Bộ máy chính quyền rối rục, chỉ còn trở lại một lũ chính khách mắc chửi biếm lạn thâm can cơ để, dẫn dắt đất nước tới chỗ suy sụp hoàn toàn.

Máy thay Ghana chỉ là một trường hợp hết sức cá biệt, thậm chí cả đối với châu Phi. Dẫu sao thì toàn bộ châu lục, nói chung, trong suốt nhiều năm liền vẫn phát triển hết sức chậm chạp, và suy thoái đặc biệt nghiêm trọng vào đầu thập kỷ 80 trở đi. Trong suốt thập kỷ 80, thu nhập bình quân đầu người ở Phi Châu da đen hầu như không tăng, trừ Nigeria (đ quốc gia này còn có dầu mỏ để xuất khẩu). Còn tại các nước Nam Á (Bangladesh, Miến Điện, Ấn Độ, Nepal, Pakistan và Sri Lanka), mức thu nhập đó chỉ tăng khoảng 1%/năm.

NHÀ NƯỚC NĂM ĐỘC QUYỀN

Trong thời kỳ giữa năm 1982 và 1983, Jerry Rollings (một phi công quân sự trẻ trước đó đã 2 lần trong một năm nổi dậy cướp chính quyền và đã cử

đã được quyền lực vừa giành được) đã bắt tay thực hiện ngay những cải cách khá kiên quyết tại Ghana.

Hồi đầu, ông ta cũng đã phạm phải một vài sai lầm ấu trĩ - như cấm tăng giá lương thực, thực phẩm và đóng cửa các hiệu buôn của kiều dân Ấn, khiến cho những mặt hàng đó khan hiếm hẳn đi. Do hạn sản, hỏa hoạn và bất ổn về chính trị liên miên, nền kinh tế trong nước, đúng như nhiều người dự đoán, ổn đã xấu hẳn, càng trở nên tồi tệ hơn trước. Nhưng rồi Rollings đã đánh tụt giá đồng Cedi 90% (phải, đúng 90%) vào năm 1983 và bắt tay thi hành giám sát nghiêm ngặt các khoản kinh phí tài trợ cho các chương trình xã hội với hy vọng sẽ được Quỹ TTQT tán đồng.

Việc phá giá đồng Cedi vừa khiến giá cacao tăng vọt, vừa khiến mức thuế đánh vào các thương vụ kinh doanh cacao tăng thêm, bất chấp mức thuế thu nhập có bị sút giảm. Khu vực xã hội bắt đầu có được một số tài khoản dư ra, nên đã cho phép chính phủ tăng nhanh (nhưng không gây nên lạm phát) các khoản chi tiêu đầu tư vào khu vực kinh tế tư nhân. Nhịp độ tăng tổng sản phẩm nội địa mới đây đã đạt mức trung bình 6%/năm, và người ta hy vọng nhịp độ đó sẽ vẫn giữ vững trong suốt năm nay. Các công ty khai thác mỏ vàng trong nước. Thậm chí công nghiệp dệt cũng tỏ dấu khởi sắc.

Giới kinh doanh cacao Ghana lại ra tay hoạt động: từ 1984, hơn 1/3 số đồn điền vốn có lại bắt đầu trồng thêm một lứa cacao mới, sẽ có thể thu hoạch vụ đầu tiên vào năm 1989-1990. Tiếc thay, việc can thiệp thô bạo vào các quá trình kinh tế vẫn còn quá phổ biến tại Phi Châu, khiến cho tiến trình cải cách tại một loạt nước diễn ra rất trắc trở. Từ năm 1980, quốc gia châu Phi nào cũng bắt đầu phải trả nhiều khoản nợ, hầu như thực thi đường lối chấn chỉnh kinh tế trong nước do Quỹ TTQT và Ngân hàng tái thiết và phát triển quốc tế đề ra. Các chương trình này, về căn bản, đều nhằm dốc sức giảm thiểu các khoản chi tiêu khổng lồ dành cho khu vực kinh tế nhà nước, hạ hồi suất chi đơn vị tiền tệ quốc gia xuống cho sát với thực giá, và nâng giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm nội địa lên chút ít. Kết quả những cải cách loại đó mang lại khá khả quan, tuy chưa thể nói là thần kỳ.

Một trong những nguyên nhân khiến các nước đó chưa thể tiến nhanh hơn là các quốc gia châu Phi - từ cách một thể chế - tuy đã cho thực thi mọi cải cách hiện đại, vẫn khư khư giữ nguyên thể thức quản lý cũ: nắm giữ gần như toàn quyền việc điều hành khu vực kinh tế nước mình.

Năm 1987, khu vực tư nhân, theo tính toán sơ bộ, chỉ làm ra tới 70% tổng sản phẩm trong nước và thu ít tới 85% sức lao động có công ăn việc làm, nhưng lại được chính phủ cho hưởng chưa đầy 20% các

khoản viện trợ nước ngoài và 13% các khoản tiền cho vay.

Chúng tôi xin lưu ý bạn đọc rằng: tất cả các số liệu trên đây đều là những dữ kiện tính tới hết năm 1987, chậm hơn mất mấy năm kể từ thời điểm nhiều nước châu Phi bắt đầu tiến hành cải tổ kinh tế một cách tự nguyện hoặc miễn cưỡng. Vì thế, sẽ hết sức ngốc nghếch, nếu hy vọng sẽ được chứng kiến những bước tiến thần kỳ trong lúc khu vực nhà nước còn đang chiếm một tỷ trọng cao đến thế trong nền kinh tế tại các quốc gia này.

Phái ủng hộ tích cực cho việc nhà nước phải can thiệp vào các quá trình kinh tế thường thích tự coi họ là những người có đầu óc thực tiễn hơn bất cứ ai. Họ thường ta thán rằng thị trường nội địa chưa thật hoàn hảo, và quả tình thị trường ở đó chưa hoàn hảo chút nào, nhất là tại các quốc gia đang mở mang. Nhưng dĩ nhiên các kinh tế gia có đầu óc thực tiễn cũng không thể không biết rằng trên toàn cầu này chưa hề có một thứ gì là hoàn hảo cả, kể cả các chính phủ rất được lòng dân.

Vì vậy, vấn đề đặt ra sẽ là nên chọn cái gì làm chỗ dựa ở đây: thị trường chưa hoàn hảo hay chính phủ chưa hoàn hảo? Kinh nghiệm 30 qua của các nước này đã cho phép ta trả lời dứt khoát câu hỏi trên. Lịch sử đã chọn "bàn tay vô hình" của thị trường làm luận cứ.

Nhìn chung, các nước đã phát triển nhanh nhất đều kiểm soát được nạn lạm phát bằng một chính sách tiền tệ và thuế khóa hợp lý (nghĩa là không ngạo mạn chút nào). Họ đã giúp mở rộng xuất khẩu chủ yếu bằng cách hạn chế những cách đối xử kỳ thị đối với giới xuất khẩu của quốc gia. Họ đã mở cửa nền kinh tế bản địa, để cho các nhà đầu tư ngoại quốc cùng vào cạnh tranh, ngộ hậu nâng cao hiệu suất nền sản xuất trong nước, mà không gây một xáo trộn lớn nào đối với hệ thống giá cả nội địa, cũng như không hề thực thi bất cứ một sự giám sát nào nhằm quản lý thị trường và nắm giữ bất cứ một sự độc quyền nào khác vào tay quốc gia; cho phép hệ thống tài chính đảm bảo một lợi suất thỏa đáng đối với những ai hùn vốn vào các ngân hàng và tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực tư nhân phát huy tối đa quyền định đoạt: nên tập trung các khoản đầu tư của họ vào đâu.

Tóm lại, mọi chính phủ thành đạt đều vốn là những chính phủ từng chủ trương hỗ trợ cho thể chế kinh doanh tư nhân - không những không bóp nghẹt, mà còn giúp cho giới kinh doanh chủ yếu bằng cách - không dốc sức làm lung lay nền tảng tồn tại của giới này. Khi chính phủ đã cố vũ cho hình thức kinh doanh lành mạnh, thì trong nền kinh tế sẽ dần dần hình thành một vùng lãnh thổ trong đó cái chiếm ưu thế sẽ là doanh nghiệp tư nhân. Quan hệ giữa chính phủ và giới kinh doanh sẽ bắt đầu hình thành những qui tắc ổn định hẳn. Kinh doanh dần sẽ trở thành một

hoạt động đáng tin cậy để mọi người đầu tư tiền của và công sức của họ vào. Vì tất cả đã mấy ai sẽ tỏ vẻ ngạc nhiên trước sự thế : tại các nước đang mở mang, những thị trường chưa hoàn hảo vẫn hoạt động tốt hơn nhiều so với các chính phủ chưa hoàn hảo. Đúng, thị trường ở đó xưa nay vốn vẫn bị đè nặng bởi sức ép của một hạ tầng cơ sở kém phát triển và nhiều trở lực khác nữa. Nhưng chính phủ tại nhiều nước "thế giới thứ ba" tự thân vốn yếu ớt hơn nhiều, nói cách khác là kém hoàn hảo hơn nhiều, so với thị trường tại đây. Tại phần lớn các nước nghèo, bộ máy hành chính hiện chưa thể can thiệp vào nền kinh tế với một thẩm quyền mà các dự án lớn vốn đòi hỏi.

Bởi thế, các chính phủ chỉ có một vài nhiệm vụ sống còn mà họ phải tự căng đáng lấy, nên không còn đâu sức dự trữ nữa để có thể thực thi hữu hiệu mọi thứ trong quốc gia mình. Chi phí cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, cho sự nghiệp giáo dục và y tế, tối thiểu, cũng đã đủ lớn, nhất là ở đây đang cần nâng cao hiệu suất hơn so với mức hiện nay, và trong ba nhiệm vụ đó, không hề có một nhiệm vụ nào buộc chính phủ phải nắm lấy độc quyền quản lý kinh tế cả. Chính phủ của bất cứ nước nào cũng chỉ nên hỗ trợ cho kinh tế nước mình là đủ, cho dù chính phủ đó có coi chức năng này là quá nhỏ bé, so với sức lực vốn nhiều hơn hẳn của chính bản thân mình!

NHỮNG ĐIỀU THẦN KỲ RỒI SẼ XUẤT HIỆN TRONG TƯƠNG LAI

Các chính khách và giới thư lại quan liêu thường bao giờ cũng là những kẻ thủ lợi nhiều nhất từ những tác hại do chính họ gây nên. Họ hoặc cố tình làm cho nền kinh tế hỗn loạn để được ăn hối lộ nhiều hơn hoặc chỉ hưởng lương mà chẳng làm nên công trạng gì hữu ích hết. Nhưng nếu họ đã được hưởng nhiều lợi lộc đến thế, thì xem ra sẽ hết sức phi lý, nếu ta lại giả định rằng họ sẽ tự nguyện từ bỏ các khoản lợi lộc kia?

Đúng, sự thế quả đúng thế thật. Các chính phủ sẽ không bao giờ đưa ra được một giải pháp đúng đắn nào hết, một khi họ còn được thủ lợi nhờ vào những quyết định sai lầm. Mêhicô, Chilê, Bôlivia và Ghana, mỗi nước một cách, đều chứng tỏ rõ ràng: nếu nền kinh tế còn bị giám sát ngặt nghèo, thì mọi mưu toan cải cách đều chỉ sẽ đưa đến những thất bại lớn, đe dọa nghiêm trọng đến sự tồn tại của bản thân chính

phủ nước đó mà thôi. Tuy trở trêu, nhưng chính sự "tự do hoá" lại giúp chính phủ phục hồi được quyền kiểm soát đất nước. Đồng thời, nếu công cuộc "tự do hoá" kia không đi xa quá, thì chính các chính khách sẽ là giới quan tâm nhiều nhất tới các cải cách, hơn bất cứ ai. Cố nhiên, nguy hiểm ở đây chính là những cải cách kia sẽ có thể bị chặn đứng ngay tức khắc khi chính phủ lại cảm thấy không còn bị lung lay nữa.

Tại các quốc gia dân chủ, nhân dân luôn có sẵn trong tay những phương tiện để kiểm chế chính phủ nước mình. Nhưng, như tình hình Ấn Độ và các nước dân chủ tại Châu Mỹ la tinh cho thấy, đó tuyệt nhiên chẳng phải là chuyện đơn giản.

Nếu giới cải cách tại các nước Á Phi vẫn giữ vững được đường lối họ đang theo, thì đất nước sẽ phồn vinh. Khác với hiện tượng "tứ long", đó sẽ là chuyện hết sức "hân hữu". Và lúc bấy giờ, rất có thể ai cũng sẽ cảm nhận được luồng gió mát lành của sự đổi mới về chính trị, ngoại trừ những phần tử thủ cựu hết sức cứng đầu. Ngay cả những nước chỉ mới bắt tay đổi mới gần đây thôi, thì tình hình cũng đã bắt đầu khả quan hơn. Thậm chí cả ở Châu Phi nữa.

Người dân các nước nghèo không cần tới các học giả hoặc chính khách của các quốc gia công nghiệp phát triển. Điều họ cần học cả là các nước công nghiệp phương Bắc hãy mở rộng cửa thị trường nước mình và sự ổn định kinh tế của toàn cầu.

Vậy là mọi cái còn lại đều tùy thuộc hoàn toàn vào bản thân chính phủ của các nước "thế giới thứ ba". Công cuộc cải cách có thể sẽ gặp phải những chống đối về chính trị đáng kể, ngay cả khi chính phủ hoàn toàn tin chắc vào tầm quan trọng của những cải cách đó. Ở một số nước, sự chống đối đó chắc chắn sẽ rất khốc liệt. Những nước này

nhiên rồi sẽ còn chậm tiến dài dài. Nhưng ở đâu mà chính phủ không còn đe dọa cướp bóc người dân, thì tương lai ở đó nhất định sẽ sáng sủa hơn. Sáng sủa tới mức sau 20 năm nữa, có những nhà cải cách hôm nay sẽ ngoái nhìn lại với ánh mắt đầy hàm ơn như khổ ải của thập kỷ vừa qua, và họ sẽ rất hồ hởi nói rằng: chính nhờ mình mà đất nước đã có được những bước tiến kinh tế thần kỳ đó.

ĐỨC DƯƠNG

(Theo "Zaruberhom" No 3.199)

